**PHỤ LỤC 1**

**ĐỀ CƯƠNG NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu**

**về lựa chọn nhà thầu**

*(Gửi kèm theo văn bản số 7043/BKHĐT-QLĐT ngày 29/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

# Chương I

# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều này quy định rõ các nội dung được giao chi tiết trong Luật sẽ được cụ thể hóa tại Nghị định này.

*Điều này thay đổi mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều này quy định về các đối tượng phải áp dụng Nghị định.

*Điều này bổ sung mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu

Điều này quy định về đối tượng và cách thức xác định bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

*- Các nội dung quy định mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

+ Quy định về đối tượng bảo đảm cạnh tranh: nhà thầu tham dự gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, tư vấn, gói thầu chìa khóa trao tay phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên liên quan.

+ Quy định bảo đảm cạnh tranh đối với nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt.

+ Quy định về thời điểm xác định tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên.

+ Quy định về công thức tính tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh.

*- Các nội dung kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

+ Quy định về các dịch vụ tư vấn mà nhà thầu tư vấn có thể tham gia cung cấp cho cùng một dự án, gói thầu

+ Quy định cụ thể hơn về đối tượng bảo đảm cạnh tranh đối với nhà thầu tham dự gói thầu EPC, EP, EC, gói thầu PC.

**Điều 4. Nguyên tắc ưu đãi**

Điều này quy định về nguyên tắc tính ưu đãi trong trường hợp nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi, trường hợp tất cả nhà thầu tham dự thầu được được hưởng ưu đãi giống nhau, cách tính ưu đãi đối với gói thầu hỗn hợp.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 5. Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam

Điều này quy định về nguyên tắc, cách tính ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam, cụ thể:

*- Các nội dung quy định mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

+ Quy định về cách tính ưu đãi đối với sản phẩm đổi mới sáng tạo, danh mục sản phẩm đổi mới sáng tạo.

*- Các nội dung kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

+ Quy định về cách tính ưu đãi trường hợp hàng hóa có tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước đến dưới 50%;

+ Quy định về cách tính ưu đãi trường hợp hàng hóa có tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên: Điều này xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương 2 phương án tính ưu đãi.

+ Cách xác định tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa.

## Điều 6. Ưu đãi đối với đấu thầu quốc tế

Điều này quy định về cách tính ưu đãi đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn, xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu quốc tế. Cụ thể:

*- Các nội dung quy định mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

Quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi tham dự thầu quốc tế.

*- Các nội dung kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

Cách tính ưu đãi đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn, xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu quốc tế.

## Điều 7. Ưu đãi đối với đấu thầu trong nước

Điều này quy định về đối tượng, cách tính ưu đãi đối với đấu thầu trong nước.

*- Các nội dung quy định mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

+ Quy định về việc chỉ cho phép nhà thầu có từ 50% lao động có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số được tham dự thầu đối với gói thầu có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng đối với dự toán mua sắm.

+ Quy định về ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.

*- Các nội dung kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

Quy định về ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam; nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

## Điều 8. Ưu tiên đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Điều này quy định về các ưu tiên dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 9. Ưu đãi đối với nhà sản xuất trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam

Điều này quy định về ưu đãi đối với (i) nhà sản xuất được chuyển giao công nghệ từ nước ngoài để sản xuất ra hàng hóa có xuất xứ Việt Nam; (ii) nhà sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam trên cơ sở sáng chế hoặc kết hợp một phần chuyển giao công nghệ từ nước ngoài.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 10. Ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường

Điều này quy định về cách tính ưu đãi với tiêu chuẩn về sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 11. Đấu thầu bền vững

Điều này quy định về các tiêu chí để áp dụng đấu thầu bền vững và cách tính ưu đãi đối với các tiêu chí này.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 12. Công khai thông tin về lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về việc công khai thông tin về lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Báo Đấu thầu; trách nhiệm của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong việc công khai và bảo mật thông tin của nhà thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

## Điều 13. Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu trên cơ sở kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, nội dung về chi phí trong lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được bổ sung mới.

## Điều 14. Trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án

Điều này quy định chi tiết về căn cứ lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.*

## Điều 15. Nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án

Điều này quy định chi tiết về các nội dung trong kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.*

## Điều 16. Lập giá gói thầu

Điều này quy định về cách thức lập giá gói thầu.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về lập giá gói thầu.*

## Điều 17. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà thầu

Điều này quy định về các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà thầu, các tiêu chí đánh giá uy tín nhà thầu.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà thầu.*

## Điều 18. Cơ sở dữ liệu về đánh giá chất lượng hàng hóa

Điều này quy định về các tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc đánh giá chất lượng hàng hóa.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về chất lượng hàng hóa sử dụng.*

## Điều 19. Công khai thông tin thực hiện hợp đồng

Điều này quy định về việc công khai thông tin, đánh giá uy tín của nhà thầu đối với việc thực hiện hợp đồng gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh hoặc không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà thầu.*

# Chương II

# QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP,

# HỖN HỢP THEO PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN

# Mục 1

# PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

## Điều 20. Quy trình chi tiết

Điều này quy định về quy trình chi tiết lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 21. Lựa chọn danh sách ngắn

Điều này quy định về quy trình lựa chọn danh sách ngắn.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 22. Lập hồ sơ mời thầu

Điều này quy định về căn cứ, nguyên tắc, nội dung lập hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, tùy chọn mua thêm,...

*Điều này được quy định mới về nội dung ttùy chọn mua thêm, các nội dung khác được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 23. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu

Điều này quy định về việc Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 24. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, bao gồm: mở thầu; phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu; mở thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 25. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu

Điều này quy định về nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu; đánh giá về nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, hợp đồng tương tự; đánh giá đối với gói thầu chia phần; quy định về sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 26. Làm rõ hồ sơ dự thầu

Điều này quy định về việc làm rõ hồ sơ dự thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 27. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

Điều này quy định về nội dung, nguyên tắc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 28. Kiểm tra và đánh giá hồ sơ dự thầu

Điều này quy định về nội dung, nguyên tắc kiểm tra và đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 29. Thương thảo hợp đồng

Điều này quy định về nội dung, nguyên tắc thương thảo hợp đồng.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## **Điều 30. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà** **thầu**

Điều này quy trình, nội dung, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 31. Hoàn thiện hợp đồng

Điều này quy định về việc hoàn thiện hợp đồng giữa chủ đầu tư, bên mời thầu với nhà thầu trúng thầu.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 32. Quản lý thực hiện hợp đồng

Điều này quy định về nội dung, nguyên tắc, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý thực hiện hợp đồng.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu.*

# Mục 2

# **PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN** HAI TÚI HỒ SƠ

## Điều 33. Quy trình chi tiết

Điều này quy định về quy trình chi tiết lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 34. Lập hồ sơ mời thầu

Điều này quy định về căn cứ, nguyên tắc, nội dung lập hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, tùy chọn mua thêm,...

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 35. Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp

Điều này quy định về tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp áp dụng đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá trên cơ sở xác định điểm tổng hợp; tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Riêng công thức xác định điểm tổng hợp được sửa đổi.*

## Điều 36. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu

Điều này quy định về việc thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn và hỗn hợp thực hiện đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 37. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định chi tiết về nội dung tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn và hỗn hợp thực hiện đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, bao gồm: mở thầu; phát hành, sửa lỗi, làm rõ hồ sơ mời thầu; chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu; mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật; việc nộp, đóng, mở thầu đối với đấu thầu qua mạng.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 38. Nguyên tắc đánh giá, làm rõ hồ sơ dự thầu, sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

Điều này quy định về nguyên tắc đánh giá, làm rõ hồ sơ dự thầu, sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn và hỗn hợp thực hiện đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 39. Kiểm tra và đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Điều này quy định về nguyên tắc kiểm tra và đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn và hỗn hợp thực hiện đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, bao gồm: kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất kỹ thuật, đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT, đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật của nhà thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 40. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính

Điều này quy định về nguyên tắc mở hồ sơ đề xuất về tài chính đối với đấu thầu không qua mạng và đấu thầu qua mạng.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 41. Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính

Điều này quy định về nguyên tắc kiểm tra và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn và hỗn hợp thực hiện đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 42. Thương thảo hợp đồng; trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu,hoàn thiện và quản lý thực hiện hợp đồng

Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, quy định về việc thương thảo hợp đồng, trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và quản lý thực hiện hợp đồng gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn và hỗn hợp thực hiện đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

# Chương III

# QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI

# GÓI THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP, HỖN HỢP

# THEO PHƯƠNG THỨC HAI GIAI ĐOẠN

# Mục 1

# PHƯƠNG THỨC HAI GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

## Điều 43. Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một

Điều này quy định về các nội dung trong bước chuẩn bị đấu thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ tại giai đoạn một.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 44. Tổ chức đấu thầu giai đoạn một

Điều này quy định về các nội dung trong bước tổ chức đấu thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ tại giai đoạn một.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 45. Đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật giai đoạn một. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu đấu thầu giai đoạn một

Điều này quy định về các nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật, trình, thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ tại giai đoạn một.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 46. Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai

Điều này quy định về các nội dung trong bước chuẩn bị, tổ chức đấu thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ tại giai đoạn hai.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 47. Đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn hai**

Điều này quy định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu tại giai đoạn hai đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 48. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và ký kết hợp đồng**

Điều này quy định về nội dung trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và ký kết hợp đồng tại giai đoạn hai đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Mục 2**

**PHƯƠNG THỨC HAI GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ**

**Điều 49. Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một**

Điều này quy định về các nội dung trong bước chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 50. Tổ chức đấu thầu giai đoạn một**

Điều này quy định về các nội dung trong bước tổ chức đấu thầu tại giai đoạn một gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 51. Đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật giai đoạn một. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu đấu thầu giai đoạn một**

Điều này quy định về các nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật, trình, thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu tại giai đoạn một gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 52. Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai**

Điều này quy định về các nội dung trong bước chuẩn bị, tổ chức đấu thầu tại giai đoạn hai gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 53. Đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật giai đoạn hai**

Điều này quy định về nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật tại giai đoạn hai đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 54. Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật giai đoạn hai**

Điều này quy định về nội dung trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật tại giai đoạn hai đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 55. Đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính giai đoạn hai**

Điều này quy định về nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính tại giai đoạn hai đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 56. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng**

Điều này quy định về nội dung trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và ký kết hợp đồng tại giai đoạn hai đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu rộng rãi, hạn chế theo phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

# CHƯƠNG IV

# QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI

# GÓI THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN

# Mục 1

# NHÀ THẦU LÀ TỔ CHỨC

## Điều 57. Quy trình chi tiết

Điều này quy định về quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 58. Lựa chọn danh sách ngắn**

Điều này quy định về nguyên tắc, quy trình lựa chọn danh sách ngắn đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 59. Lập hồ sơ mời thầu**

Điều này quy định về căn cứ lập hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, đánh giá về tài chính đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thực hiện đấu thầu rộng rãi, hạn chế.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 60. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu**

Điều này quy định về thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 61. Tổ chức lựa chọn nhà thầu**

Điều này quy định về mở thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi rút hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 62. Nguyên tắc đánh giá; làm rõ hồ sơ dự thầu**

Điều này quy định nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu, quy định về sai sót, đặt điều kiện, bỏ sót nội dung đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 63. Làm rõ hồ sơ dự thầu**

Điều này quy định về làm rõ hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 64. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch**

Điều này quy định về sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 65. Kiểm tra và đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**

Điều này quy định về kiểm tra và đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 66. Mở, kiểm tra và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính**

Điều này quy định về mở, kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 67. Thương thảo hợp đồng**

Điều này quy định về nguyên tắc thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 68. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và quản lý thực hiện hợp đồng**

Điều này quy định về nguyên tắc trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và ký kết hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn trong trường hợp nhà thầu là tổ chức.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

# Mục 2

# NHÀ THẦU LÀ CÁ NHÂN

## Điều 69. Lựa chọn tư vấn cá nhân

Điều này quy định chi tiết về nguyên tắc áp dụng lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy định tại Điều 43 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15. Tư vấn cá nhân có thể bao gồm một hoặc một nhóm chuyên gia; quy định áp dụng quy trình lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân rút gọn và thông thường.

*Điều này được quy định mới trên cơ sở đưa ra 02 quy trình lựa chọn đối với nhà thầu là tư vấn cá nhân theo trình tự thông thường hoặc rút gọn. Đối với quy trình rút gọn được thực hiện cho các gói thầu tư vấn cá nhân có giá gói thầu không quá 200 triệu đồng.*

**Điều 70. Lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu**

Điều này quy định về nguyên tắc lập, trình và phê duyệt các nội dung của điều khoản tham chiếu đối với gói thầu lựa chọn tư vấn cá nhân.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 71. Đăng tải thông báo mời thầu và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; ký kết hợp đồng; đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân**

Điều này quy định chi tiết quy trình lựa chọn tư vấn cá nhân trong trường hợp đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nhà thầu là tư vấn cá nhân thực hiện nộp hồ sơ lý lịch khoa học; bên mời thầu đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học; thương thảo hoàn thiện hợp đồng; đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân trên Hệ thống.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP,* riêng nội dung về gửi đăng tải thông báo mời thầu kèm theo điều khoản tham chiếu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được bổ sung mới.

**Điều 72. Lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu, danh sách tư vấn cá nhân**

Điều này quy định về lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu, xác định danh sách tư vấn cá nhân, phê duyệt điều khoản tham chiếu và danh sách tư vấn cá nhân.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 73. Gửi thư mời và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; phê duyệt, ký kết hợp đồng; đăng tải kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân**

Điều này quy định về việc gửi thư mời và điều khoản tham chiếu đến các tư vấn cá nhân có tên trong danh sách, việc nộp hồ sơ lý lịch khoa học của các tư vấn cá nhân và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; thương thảo hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và ký kết hợp đồng, đăng tải thông báo kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

# Chương V

# CHỈ ĐỊNH THẦU, CHÀO HÀNG CẠNH TRANH, MUA SẮM TRỰC TIẾP, TỰ THỰC HIỆN, LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT VÀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU CÓ SỰ THAM GIA THỰC HIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

# Mục 1

# CHỈ ĐỊNH THẦU

## Điều 74. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu

Điều này quy định về quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu, bao gồm các nội dung: chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu; hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 75. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu**

Điều này quy định về quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu.

Quy trình chỉ định thầu tại điều này bao gồm các nội dung: chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá và hoàn thiện hồ sơ đề xuất; thương thảo hợp đồng; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu; hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

*Điều này được bổ sung mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 76. Quy trình chỉ định thầu rút gọn

Điều này quy định về quy trình chỉ định thầu trong trường hợp chỉ định thầu rút gọn trong các trường hợp: (1) Phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh hoặc duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; (2) Chỉ định thầu theo điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu; (3) Chỉ định thầu với gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Riêng đối với chỉ định thầu rút gọn trong các trường hợp cấp bách phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh hoặc duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân, Nghị định quy định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.*

**Mục 2**

**CHÀO HÀNG CẠNH TRANH, MUA SẮM TRỰC TIẾP,**

**TỰ THỰC HIỆN**

## Điều 77. Quy trình chào hàng cạnh tranh

Điều này quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu trong chào hàng cạnh tranh, bao gồm các nội dung: chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu: đánh giá hồ sơ dự thầu; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và quản lý hợp đồng.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 78. Quy trình mua sắm trực tiếp

Điều này quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu khi áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp, bao gồm các nội dung: chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu: đánh giá hồ sơ dự thầu; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và quản lý hợp đồng.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 79. Quy trình tự thực hiện

Điều này quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu khi áp dụng hình thức tự thực hiện, bao gồm các nội dung: Chuẩn bị phương án tự thực hiện và dự thảo thỏa thuận giao việc; hoàn thiện phương án tự thực hiện; phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết thỏa thuận giao việc, quản lý việc thực hiện gói thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

# Mục 3

# LỰA CHỌN NHÀ THẦU

# TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

## Điều 80. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với quy định tại điểm a, b, c và i khoản 1 Điều 29 của Luật đấu thầu

Điều này quy định về hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với quy định tại điểm a, b, c và i khoản 1 Điều 29 của Luật đấu thầu.

*Điều này được bổ sung mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Theo đó:*

- Quy định riêng hồ sơ, quy trình, thủ tục đối với gói thầu lĩnh vực y tế; gói thầu liên quan đến quốc phòng, an ninh; gói thầu áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quyết định của UBTVQH quy định tại điểm i khoản 1 Điều 29 của Luật đấu thầu;

- Quy định thời gian thẩm định phương án lựa chọn nhà thầu trong các trường hợp nêu trên.

## Điều 81. Hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với quy định tại điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật đấu thầu

Điều này quy định về hồ sơ, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật đấu thầu.

*Điều này được bổ sung mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, trong đó bổ sung quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với một số trường hợp được quy định tại Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.*

# Mục 4

# LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU CÓ SỰ THAM GIA THỰC HIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

## Điều 82. Tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ hợp tác, nhóm thợ tại địa phương khi thực hiện gói thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng

Điều này quy định về tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ hợp tác, nhóm thợ tại địa phương khi thực hiện gói thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng căn cứ quy định tại Điều 27 Luật Đấu thầu.

*Điều này kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP,* riêng nội dung vềtư cách hợp lệ của tổ hợp tác là nội dung mới.

## Điều 83. Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ

Điều này quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.

*Điều này kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 84. Tạm ứng, thanh toán và giám sát, nghiệm thu gói thầu

Điều này quy định về tạm ứng, thanh toán và giám sát, nghiệm thu gói thầu đối với hình thức lựa chọn nhà thầu gói thầu có sự tham gia của cộng đồng.

*Điều này kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

# Chương VI

# MUA SẮM TẬP TRUNG, MUA SẮM THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM,

# MUA THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

# Mục 1

# MUA SẮM TẬP TRUNG

## Điều 85. Nguyên tắc trong mua sắm tập trung

Điều này quy định về nguyên tắc mua sắm tập trung, trong đó có vệc mua sắm tập trung qua đơn vị mua sắm tập trung, sử dụng tư vấn đấu thầu khi mua sắm tập trung, ký kết hợp đồng đối với hàng hóa trong danh mục mua sắm tập trung.

*Điều này kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 86. Trách nhiệm trong mua sắm tập trung

Điều này quy định về trách nhiệm trong mua sắm tập trung đối với đơn vị mua sắm tập trung và cấp trên của đơn vị mua sắm tập trung.

*Điều này kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 87. Quy trình mua sắm tập trung tổng quát

Điều này quy định về quy trình mua sắm tập trung, vấn đề chia phần trong mua sắm tập trung, việc lựa chọn nhà thầu khi cần lựa chọn nhiều hơn 1 nhà thầu trúng thầu trong 1 phần hoặc 1 gói thầu không chia phần.

*Điều này kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Trong đó, có nội dung mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP là bổ sung quy định về vấn đề chia phần trong mua sắm tập trung, việc lựa chọn nhà thầu khi cần lựa chọn nhiều hơn 1 nhà thầu trúng thầu trong 1 phần hoặc 1 gói thầu không chia phần.*

## Điều 88. Nội dung thỏa thuận khung

Điều này quy định về các nội dung phải có trong thỏa thuận khung, bao gồm: phạm vi cung cấp hàng hóa, dịch vụ; bảng kê số lượng hàng hóa, dịch vụ; Thời gian, địa điểm, điều kiện giao hàng, cung cấp dịch vụ; tạm ứng, thanh toán; Mức giá; điều kiện bảo hành, bảo trì, đào tạo; trách nhiệm của các bên liên quan trong thỏa thuận khung, thời hạn thỏa thuận khung…

*Điều này kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

# Mục 2

# MUA SẮM THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM

## Điều 89. Thẩm quyền quyết định mua sắm

Điều này quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm thuộc dự toán mua sắm theo pháp luật về tài sản, tài sản công.

*Điều này được bổ sung mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

## Điều 90. Quy trình thực hiện mua sắm

Điều này quy định về quy trình thực hiện mua sắm.

*Điều này kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

Việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán mua sắm được thực hiện theo quy định về lựa chọn nhà thầu nêu tại Chương III, Chương IV, Chương V của Nghị định.

*Nội dung mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

Quy định xét duyệt trúng thầu theo hướng giá đề nghị trúng thầu của từng hàng hóa đảm bảo không vượt định mức của từng hàng hóa đó theo Quyết định của người có thẩm quyền ban hành

# Mục 3

# MUA THUỐC, HÓA CHẤT,

# VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ

## Điều 91. Lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 55 của Luật Đấu thầu

Điều này quy định về lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 55 của Luật Đấu thầu, trong đó quy định nội dung của hồ sơ mời thầu, phân bổ đơn giá cho từng dịch vụ kỹ thuật, chia phần gói thầu, thời gian thực hiện hợp đồng, gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết.*

## Điều 92. Mua thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm

Điều này quy định chi tiết về chỉ định thầu rút gọn đối với mua thuốc, quy định về việc xử lý trong các trường hợp thuốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc đã ký hợp đồng nhưng nhà thầu không còn năng lực thực hiện và trách nhiệm của Bộ Y tế

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết.*

## Điều 93. Thanh toán chi phí mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân

Điều này quy định về thanh toán chi phí mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết.*

# Chương VII

# LỰA CHỌN NHÀ THẦU QUA MẠNG

## Mục 1

## ĐẤU THẦU QUA MẠNG

## Điều 94. Kết nối hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với các hệ thống khác

Điều này quy định về kết nối hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với các hệ thống khác như hệ thống thông tin quản lý thuế, hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc; Bảo hiểm xã hội Việt Nam, cổng thông tin và các Hệ thống khác.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về quy trình lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 95. Quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng

Điều này quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng và lộ trình lựa chọn nhà thầu qua mạng, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu qua mạng phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này; quy định chi tiết các trường hợp không đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về quy trình lựa chọn nhà thầu, trong đó có đấu thầu qua mạng.*

# Mục 2

# ĐẤU GIÁ NGƯỢC

## Điều 96. Hình thức đấu giá ngược

Điều này quy định về hình thức đấu giá ngược, định nghĩa và phân loại quy trình đấu giá ngược, bao gồm đấu giá ngược theo quy trình thông thường và đấu giá ngược theo quy trình rút gọn.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 97. Điều kiện áp dụng đấu giá ngược

Điều này quy định về điều kiện áp dụng đấu giá ngược theo quy trình thông thường và đấu giá ngược theo quy trình rút gọn.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 98. Nguyên tắc đấu giá ngược

Điều này quy định về các nguyên tắc đấu giá ngược như có thể liên tục thay đổi mức giá, tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu; nhà thầu chào giá đầu tiên thấp nhất trúng thầu… Ngoài ra, Điều này cũng quy định thời gian, nguyên tắc lựa chọn nhà thầu trong đấu giá ngược.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 99. Quy trình đấu giá ngược thông thường

Điều này quy định về quy trình đấu giá ngược thông thường, bao gồm: chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá các hồ sơ dự thầu; ghi nhận kết quả đấu giá; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 100. Quy trình đấu giá ngược rút gọn

Điều này quy định về quy trình đấu giá ngược thông thường, bao gồm: chuẩn bị và gửi thông báo mời tham gia đấu giá; chào giá; ghi nhận kết quả đấu giá ngược; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu.*

# Mục 3

# MUA SẮM TRỰC TUYẾN (E-SHOPPING)

## Điều 101. Hình thức mua sắm trực tuyến (e-shopping)

Điều này quy định về mua sắm trực tuyến bao gồm định nghĩa e-shopping và các phương án áp dụng hình thức này.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 102. Quy trình mua sắm trực tuyến (e-shopping)

Điều này quy định về quy trình mua sắm trực tuyến (e-shopping), bao gồm các nội dung như thông báo, đặt mua, xác nhận đơn hàng, phê duyệt, công khai kết quả mua sắm trực tuyến, ký kết và thực hiện hợp đồng.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu.*

## Điều 103. Thông tin hàng hóa và dịch vụ được mua sắm trực tuyến

Trường hợp điều chỉnh giảm giá hàng hóa, dịch vụ so với quy định trong thỏa thuận khung đã ký trước đó, nhà thầu thông báo cho đơn vị mua sắm tập trung và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu 5 ngày trước thời điểm điều chỉnh giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu.*

**Chương VIII**

**HỢP ĐỒNG**

**Điều 104. Hợp đồng đối với nhà thầu được lựa chọn**

Điều này quy định về hợp đồng đối với nhà thầu được lựa chọn.

*Điều này kế thừa các nội dung đã áp dụng tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.*

**Điều 105. Sửa đổi hợp đồng**

Điều này quy định về sửa đổi hợp đồng. quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 64, Điều 70 Luật Đấu thầu, sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản, cụ thể hóa các trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và các nội dung khác trong hợp đồng mà không phải sửa đổi hợp đồng.

*Điều này được quy định mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hình thức lựa chọn nhà thầu, trong đó có một số nội dung như:*

- Sửa đổi hợp đồng được áp dụng đối với tất cả loại hợp đồng;

- Các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng về quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng trong các trường hợp quy định tại Nghị định;

- Việc sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

- Cụ thể hóa một số trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và các nội dung khác trong hợp đồng mà không phải sửa đổi hợp đồng.

**Điều 106. Điều chỉnh trượt giá hợp đồng**

Điều này quy định về điều chỉnh trượt giá hợp đồng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, nội dung quy định trong hồ sơ mời thầu về việc điều chỉnh, phương pháp xác định trượt giá hợp đồng .

*Nội dung kế thừa tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

- Được thực hiện điều chỉnh trượt giá hợp đồng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh;

- Việc áp dụng điều chỉnh trượt giá cần được quy định trong hồ sơ mời thầu và được hoàn thiện nội dung trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng. Hợp đồng phải quy định nguyên tắc, thời gian tính điều chỉnh; cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh;

- Sử dụng chỉ số giá trong phương pháp điều chỉnh bằng công thức điều chỉnh.

*Nội dung mới so với Nghị định số 63/2014/NĐ-CP:*

Đối với hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo kết quả đầu ra, trượt giá hợp đồng có thể được áp dụng đối với hợp đồng có thời gian thực hiện dài hoặc trong hoàn cảnh thị trường có biến động giá lớn.

Việc xác định trượt giá hợp đồng có thể thực hiện theo phương pháp bù trừ trực tiếp; phương pháp điều chỉnh khác theo quy định của pháp luật.

## Điều 107. Quản lý chất lượng và nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, dịch vụ

Điều này quy định về quản lý chất lượng và nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, dịch vụ. Hồ sơ mời thầu, hợp đồng phải quy định về thông qua chỉ tiêu, thông số, quy cách kỹ thuật sản phẩm, quy trình kiểm soát chất lượng. Đối với các hàng hoá quan trọng, cần yêu cầu giấy chứng nhận xuất xứ là một trong các chứng từ để thanh toán.

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về sửa đổi hợp đồng.*

## Điều 108. Đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng

Điều này quy định về đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng và các hình thức thanh toán hợp đồng.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

## Điều 109. Tạm ứng hợp đồng

Điều này quy định về việc tạm ứng hợp đồng. Trong hợp đồng phải quy định về mức tạm ứng, thời điểm tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, thu hồi tạm ứng; trách nhiệm của các bên trong việc quản lý, sử dụng kinh phí tạm ứng

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

## Điều 110. Thanh toán hợp đồng

Điều này quy định về việc thanh toán hợp đồng, các điều khoản cụ thể về thanh toán được ghi trong hợp đồng là cơ sở để thanh toán cho nhà thầu.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 111. Thanh toán đối với loại hợp đồng trọn gói**

Điều này quy định về nguyên tắc thanh toán và hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng trọn gói

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và cập nhật theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.*

**Điều 112. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định**

Điều này quy định về nguyên tắc thanh toán và hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 113. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh**

Điều này quy định về nguyên tắc thanh toán và hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 114. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo thời gian**

Điều này quy định về nguyên tắc thanh toán và hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo thời gian

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 115. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm**

Điều này quy định về nguyên tắc thanh toán và hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về sửa đổi hợp đồng.*

**Điều 116. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo kết quả đầu ra**

Điều này quy định về nguyên tắc thanh toán và hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về sửa đổi hợp đồng.*

**Điều 117. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo chi phí cộng phí**

Điều này quy định về nguyên tắc thanh toán và hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo chi phí cộng phí

*Điều này được bổ sung mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về sửa đổi hợp đồng.*

**Điều 118. Thanh lý hợp đồng**

Điều này quy định về các trường hợp thanh lý hợp đồng và cách thức thanh lý hợp đồng.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**CHƯƠNG IX**

**NĂNG LỰC KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHUYÊN GIA, TỔ THẨM ĐỊNH**

**Điều 119. Điều kiện năng lực, kinh nghiệm đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu**

Điều này quy định về điều kiện năng lực, kinh nghiệm đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu (2 phương án xin ý kiến)

*Điều này được quy định mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về năng lực, kinh nghiệm của thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định*

**Điều 120. Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu**

Điều này quy định về các đối tượng phải đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và các đơn vị được tổ chức đào tạo nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (2 phương án xin ý kiến)

*Điều này được quy định mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về năng lực, kinh nghiệm của thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định*

**Điều 121. Điều kiện đối với giảng viên về đấu thầu**

Điều này quy định về các điều kiện đối với giảng viên về đấu thầu (2 phương án xin ý kiến)

*Điều này được quy định mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về năng lực, kinh nghiệm của thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định*

**Điều 122. Điều kiện cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu**

Điều này quy định về điều kiện đối với cá nhân được cấp chứng chỉ nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và chứng chỉ nghiệp vụ đấu thầu chuyên sâu

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và quy định mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về năng lực, kinh nghiệm của thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định*

**Điều 123. Tổ chức thi và cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu**

Điều này quy định về thẩm quyền tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và quy định mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về năng lực, kinh nghiệm của thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định*

**CHƯƠNG X**

**KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU**

**VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG ĐẤU THẦU**

**Điều 124. Kiểm tra hoạt động đấu thầu**

Điều này quy định về thẩm quyền, nguyên tắc, hình thức, phương thức kiểm tra hoạt động đấu thầu

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 125. Giám sát hoạt động đấu thầu**

Điều này quy định về thẩm quyền giám sát hoạt động đấu thầu, trình tự, thủ tục giám sát hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền; trách nhiệm của cá nhân hoặc đơn vị giám sát hoạt động đấu thầu

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 126. Xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu**

Điều này quy định về thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu tương ứng với từng hành vi vi phạm và quy định về thời hiệu xử lý vi phạm, quy trình thực hiện việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và quy định mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về xử lý vi phạm trong đấu thầu*

**CHƯƠNG XI**

**TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

**Điều 127. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, người đứng đầu doanh nghiệp; Hội đồng quản trị của doanh nghiệp liên doanh, công ty cổ phần và đại diện hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh (gộp thành nhóm doanh nghiệp)**

Điều này quy định về trách nhiệm của Hội đồng quản trị, người đứng đầu doanh nghiệp; Hội đồng quản trị của doanh nghiệp liên doanh, công ty cổ phần và đại diện hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 128. Trách nhiệm của đơn vị thẩm định**

Điều này quy định về trách nhiệm thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án đầu tư, trách nhiệm thẩm định đối với dự toán mua sắm và cấp huyện, xã.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và sửa đổi cho phù hợp với thực tế*

**Điều 129.Thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu**

Điều này quy định về hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; nội dung thẩm định và báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

*Điều này được quy định mới trên cơ sở Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về**kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.*

**Điều 130. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

Điều này quy định về hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; nội dung thẩm định và báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 131. Thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu**

Điều này quy định về hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; nội dung thẩm định và báo cáo thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 132. Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu**

Điều này quy định về nguyên tắc thẩm định, hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; nội dung thẩm định và báo cáo thẩm định đối với từng nội dung về kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**CHƯƠNG XII**

**CÁC VẤN ĐỀ KHÁC**

**Điều 133. Xử lý tình huống trong đấu thầu**

Điều này quy định về cách thức xử lý đối với 21 tình huống đấu thầu và trường hợp phát sinh ngoài 21 tình huống này

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung một số trường hợp cho phù hợp với thực tế*

**Điều 134. Mẫu hồ sơ đấu thầu**

Điều này quy định về trách nhiệm của các Bộ trong việc ban hành các mẫu hồ sơ đấu thầu

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**Điều 135. Quản lý nhà thầu**

Điều này quy định về trách nhiệm của nhà thầu, nhà thầu nước ngoài và việc quản lý đối với nhà thầu phụ.

*Điều này được kế thừa từ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP*

**CHƯƠNG XIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 136. Hướng dẫn thi hành**

Điều này quy định về điều khoản hướng dẫn thi hành

**Điều 137. Hiệu lực thi hành**

Điều này quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định.